

TIẾNG VIỆT

I. Cấu tạo của tiếng

-Tiếng gồm 3 bộ phận: *Âm đầu, vần và thanh*.

-Tiếng nào cũng phải có vần và thanh. Có tiếng không có âm đầu.

VD:

Tiếng	Âm đầu	Vần	Thanh
người	ng	ươi	huyền
ao		ao	ngang

- Trong Tiếng Việt có 6 thanh để ghi các tiếng là: **thanh ngang, thanh huyền, thanh sắc, thanh hỏi, thanh ngã, thanh nặng.**

- Dấu thanh đánh trên đầu âm chính.

Cách viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam và nước ngoài

a) **Cách viết hoa tên người, tên địa lí Việt Nam:** ta viết hoa chữ cái đầu của mỗi tiếng tạo thành tên đó.

b) **Cách viết hoa tên người, tên địa lí nước ngoài:** ta viết hoa chữ cái đầu của mỗi bộ phận tạo thành tên đó.

-Những tên được phiên âm theo âm Hán Việt thì viết hoa giống như cách viết tên hoa Việt Nam.

II. Từ đơn, từ phức

1. Từ chỉ gồm ***một tiếng là từ đơn***. Từ gồm ***hai hay nhiều tiếng gọi là từ phức***. Từ nào cũng có nghĩa và dùng để tạo nên câu.

VD: -Từ đơn: trường, bút, mẹ, ngủ, đi, ...

-Từ phức: học sinh, bàn ghế, xinh đẹp, xinh xắn,...

2. Có hai cách chính để tạo từ phức:

a) Ghép những tiếng có nghĩa lại với nhau. Đó là các **từ ghép**.

VD: học sinh, học hành,...

b) Phối hợp những tiếng có âm đầu hay vần (hoặc cả âm đầu và vần) giống nhau. Đó là các **từ láy**

VD: thăm thì, cheo leo, luôn luôn,...

2. Từ ghép chia làm hai loại:

- Từ ghép tổng hợp: (bao quát chung): Bánh trái, xe cộ,...
- Từ ghép có nghĩa phân loại: (chỉ một loại nhỏ thuộc phạm vi nghĩa của tiếng thứ nhất): bánh rán, bánh nướng, ..., xe đạp, xe máy,...

III. Từ loại

1. **Danh từ:** là những từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng, khái niệm hoặc đơn vị).

VD: cô giáo, bàn ghế, mây, kinh nghiệm, răng(cây)...

+ **Danh từ chung** là tên của một loại sự vật: sông, núi, bạn,...

+ **Danh từ riêng** là tên riêng của một sự vật. Danh từ riêng luôn luôn được viết hoa.

VD: dãy núi Trường Sơn, sông Hồng, bạn Lan,...

2. **Động từ:** là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của vật.

- Động từ thường đi cùng các từ: **đã, đang, sắp, hãy, đừng, chớ,...**

VD: - đang **làm** bài, sẽ **quét** nhà,, dòng thác **đổ**, lá cờ **bay**,...

3. **Tính từ:** là những từ miêu tả đặc điểm hoặc tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái,...

- Tính từ thường đi cùng các từ **rất, quá, lắm,...**

VD: rất **xinh, đẹp** lắm, đi **nhanh nẹn**, ngủ **say,...**

IV. Các kiểu câu

1. Câu kể: (còn gọi là câu trần thuật) là những câu dùng để:

-Kể, tả hay giới thiệu về sự vật, sự việc.

-Nói lên ý kiến hoặc tâm tư, tình cảm của mỗi người.

-Cuối câu kể có dấu chấm.

VD: Bu- ra- ti- nô là một chú bé bằng gỗ.

Câu kể thường có 3 loại:

a) **Câu kể Ai làm gì?** thường gồm hai bộ phận:

- Bộ phận thứ nhất là **chủ ngữ, chỉ sự vật**, (người, con vật hay đồ vật, cây cối được nhân hóa); trả lời cho câu hỏi: **Ai (cái gì, con gì)?**, thường do **danh từ, (cụm danh từ)** tạo thành.

- Bộ phận thứ hai là **vị ngữ, nêu lên hoạt động** của người, con vật (hoặc đồ vật, cây cối được nhân hóa) trả lời cho câu hỏi: **Làm gì?**, thường do **động từ, (cụm động từ)** tạo thành.

VD: Chị tôi **đan** nón lá **cọ** để xuất khẩu.

b) **Câu kể Ai thế nào?** gồm có hai bộ phận:

- Bộ phận thứ nhất là **chủ ngữ, chỉ sự vật**; trả lời cho câu hỏi: **Ai (cái gì, con gì)?**, thường do **danh từ, (cụm danh từ)** tạo thành.

- Bộ phận thứ hai là **vị ngữ**, trả lời cho câu hỏi: **Thế nào?, chỉ đặc điểm, tính chất** hoặc **trạng thái** của sự vật; thường do **tính từ, động từ, (cụm tính từ, cụm động từ)** tạo thành.

VD: -Chị tôi rất **xinh**.

-Em bé đang **ngủ**.

c) **Câu kể Ai là gì?** thường gồm hai bộ phận:

- Bộ phận thứ nhất là **chủ ngữ, chỉ sự vật**, trả lời cho câu hỏi: **Ai (cái gì, con gì)?**, thường do **danh từ, (cụm danh từ)** tạo thành.

- Bộ phận thứ hai là **vị ngữ**, nối với chủ ngữ bằng từ **là**, trả lời câu hỏi: **Là gì ?**, thường do **danh từ, (cụm danh từ)** tạo thành.

VD: Chị tôi **là** sinh viên đại học Y.

2.Câu hỏi: Dùng để hỏi về những điều chưa biết. Câu hỏi thường có các từ nghi vấn (ai, gì, thế nào, sao, không,...). Khi viết, cuối câu hỏi thường có dấu chấm hỏi (?).

VD: Thuở đi học, chữ Cao Bá Quát **như thế nào?**

3.Câu cảm: (câu cảm than) là câu dùng để bộc lộ cảm xúc (vui, buồn, thán phục, đau xót, ngạc nhiên,...). Cuối câu cảm thường có dấu chấm than (!).

VD: Bạn Giang học giỏi **thật!**

Trong câu cảm thường dùng các từ sau:**ôi, chao, chà, trời, quá, lắm,...**

4.Câu khiến: (câu cầu khiến) dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn,... của người nói, người viết với người khác. Cuối câu khiến có dấu chấm than (!) hoặc dấu chấm.

- Trong câu khiến thường dùng các từ sau:

+ **hãy, đừng, chớ, nên, phải,...** trước động từ.

+ **lên, đi, thôi, nào,...** ở cuối câu.

+ **đề nghị, xin, mong, ...** vào đầu câu.

VD: Nhà vua hãy hoàn lại gươm cho Long Vương!

V. Trạng ngữ

Trạng ngữ là thành phần phụ xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện,... của sự việc nêu trong câu.

1.Trạng ngữ chỉ nơi chốn: Để chỉ nơi diễn ra sự việc nêu trong câu.

Trả lời cho câu hỏi **Ở đâu?**

VD: Trong sân trường, mấy cây phượng nở đỏ rực.

TN – NC

2.Trạng ngữ chỉ thời gian: xác định thời gian diễn ra sự việc. Trả lời cho câu hỏi **Bao giờ ?, Khi nào?, Máy giờ?,...**

VD: Sáng hôm nay, thời tiết đã trở lạnh.

TN – TG

3.Trạng ngữ chỉ nguyên nhân: để giải thích nguyên nhân của sự việc hoặc tình trạng nêu trong câu. Trả lời cho câu hỏi **Vì sao?, Nhờ đâu?, Tại sao?,...**

VD: Nhờ các cô chú công nhân, đường phố luôn sạch sẽ.

TN – NN

4.Trạng ngữ chỉ mục đích: nêu lên mục đích tiến hành sự việc. Trả lời cho câu hỏi **Để làm gì?, Nhằm mục đích gì?, Vì cái gì?,...**

VD: Muốn có sức khỏe tốt, em phải năng tập thể dục.

5. Trạng ngữ chỉ phương tiện: thường mở đầu bằng các từ **bằng, với**. Trả lời cho câu hỏi **Bằng cái gì?, Với cái gì?,...**

VD: **Với một mẫu bút chì**, em vẽ được một bông hoa rất đẹp.

PHÂN MÔN TẬP LÀM VĂN

A. HƯỚNG DẪN VĂN MIÊU TẢ ĐỒ VẬT

I/ ĐỐI TƯỢNG MIÊU TẢ: là những đồ vật thường gặp trong đời sống hàng ngày.

- Mỗi đồ vật thường có cấu tạo riêng, hình dáng riêng, màu sắc riêng..., vật liệu riêng, công dụng riêng. Do đó cần quan sát kĩ đồ vật định tả, khi miêu tả cần tập trung vào dấu hiệu đặc trưng ấy.
- Đồ vật luôn gắn liền với đời sống của con người. Vì vậy khi miêu tả cần nói tới công dụng, lợi ích của đồ vật ấy, cũng như những kỉ niệm của con người đối với nó.
- **Lưu ý:** Khi viết văn miêu tả đồ vật, cần chú ý sử dụng biện pháp so sánh, nhân hóa để bài văn thêm sinh động.

II/ DÀN Ý CHUNG CHO VĂN MIÊU TẢ ĐỒ VẬT

1/ Mở bài:

- Giới thiệu đồ vật định tả (cho biết đã có từ bao giờ, trong trường hợp nào hay thấy ở đâu? lúc nào?)

2/ Thân bài:

a/ Tả bao quát:

- Hình dáng, kích thước
- Màu sắc
- Chất liệu cấu tạo đồ vật ấy

(Các ý miêu tả trên có thể tả ý nào trước cũng được.)

b/ Tả chi tiết từng bộ phận:

- Tả chi tiết từng bộ phận theo thứ tự thích hợp từ trên xuống dưới hay từ ngoài vào trong.
Ở từng bộ phận, cần chú ý miêu tả hình dáng, màu sắc, chất liệu, tác dụng của mỗi bộ phận đó.
(Chú ý sử dụng biện pháp so sánh, nhân hóa để bài văn thêm sinh động.)
- Nêu tác dụng của đồ vật, sự gắn bó của bản thân và những kỉ niệm (ý này có thể lồng với các ý trên).

3/ Kết bài: Nêu cảm nghĩ của mình đối với đồ vật đã tả, ý thức giữ gìn đồ vật.

B. HƯỚNG DẪN VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI

I/ ĐỐI TƯỢNG MIÊU TẢ:

- Tất cả cây cối xung quanh ta. Đó là những cây có ích cho đời và gắn gũi với học trò.
- Cây cối trong thiên nhiên chia ra nhiều loại: cây ăn quả, cây bóng mát, cây hoa, ... Vì vậy khi miêu tả cần chú ý sự khác biệt đó. ***Đối với cây ăn quả, cần tập trung tả hình dáng, mùi vị của quả; đối với cây bóng mát là chú ý tả dáng cây, tán lá; đối với cây hoa cần tập trung tả hình dáng, màu sắc, mùi hương của hoa.***

- Cây cối luôn gắn với khung cảnh thiên nhiên. Do đó việc miêu tả cây cối cần gắn với việc miêu tả cảnh vật xung quanh. Như vậy mới làm nổi bật được bức tranh toàn cảnh về thiên nhiên, làm nền cho việc miêu tả cây cối.

II/ DÀN Ý CHUNG CHO VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI

1/ Mở bài:

- Giới thiệu cây định tả là cây gì? của ai? Trồng ở đâu? Trồng bao lâu rồi hay có từ bao giờ?

2/ Thân bài:

a/ Tả bao quát: độ cao của cây, dáng cây, sức lớn và vẻ đẹp của cây (có thể nói qua quá trình phát triển chung của cây)

b/ Tả chi tiết từng bộ phận: từ trên xuống dưới hoặc từ dưới lên trên

- Rễ cây có đặc điểm gì?
- Gốc cây to hay nhỏ, hình dáng ra sao?
- Thân cây tròn, to thế nào?
- Lớp vỏ cây như thế nào?
- Cành, nhánh ra sao?
- Tán lá xòe rộng thế nào? Có mấy tầng? Lá dày hay thưa?
- Lá: hình dáng? Màu sắc?
- Hoa: màu sắc? Những nét đặc biệt về hình dáng hoa, các hoa?
- Quả (nếu có): những nét đặc biệt về hình dáng, màu sắc của quả hoặc chùm quả?
- **Lưu ý:** Khi viết văn miêu tả cây cối, cần chú ý sử dụng biện pháp so sánh, nhân hóa để bài văn thêm sinh động.

c/ Tả cảnh vật hoặc các yếu tố liên quan đến đời sống của cây như nắng gió, sương, chim chóc, sinh hoạt của con người...

- Sự gắn bó và kỉ niệm đối với cây.

3. Kết bài:

- Nêu cảm nghĩ, tình cảm của em đối với cây: ấn tượng chung, ý thức chăm sóc bảo vệ cây.

- Khẳng định giá trị, vai trò, ý nghĩa của cây trong đời sống.

C. HƯỚNG DẪN VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

I/ ĐỐI TƯỢNG MIÊU TẢ:

- Là những con vật gần gũi, thân thiết đối với đời sống con người.
- Khi miêu tả cần chú ý việc tả hình dáng bên ngoài lẫn hoạt động, tính nết của con vật. Khi miêu tả hình dáng bên ngoài cần nhấn mạnh một vài đặc điểm nổi bật nhất. Còn khi miêu tả hoạt động, tính nết chú ý những đặc điểm riêng biệt của giống loài cũng như bản thân con vật được tả.
- Cần chú ý sử dụng từ ngữ mô tả âm thanh, các tính từ chỉ màu sắc, phẩm chất, các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa giúp cho bài văn sinh động, thể hiện rõ hơn tình cảm của người viết với con vật.

II/ DÀN Ý CHUNG CHO VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

1. Mở bài:

- Giới thiệu con vật định tả (Con vật đang ở đâu? Em thấy con vật này khi nào?)

2. Thân bài:

a/ Tả bao quát hình dáng bên ngoài của con vật

- Ấn tượng chung ban đầu về con vật
- Giống (Loài)
- Vóc dáng, cân nặng
- Bộ lông hoặc màu da.

b/ Tả chi tiết từng bộ phận: theo trình tự hợp lý

- đầu
- mặt
- tai
- đôi mắt
- miệng
- thân hình
- chân
- đuôi

....

c/ Tả tính nết, thói quen sinh hoạt và một vài hoạt động chính của con vật (gắn liền với lợi ích và mối quan hệ của nó đối với con người)

- Tả một vài biểu hiện về tính nết, thói quen của con vật.
- Tả một số hoạt động chính của con vật: bắt mồi, ăn, kêu (gáy, sủa...)
- Chú ý kết hợp tả một vài nét về cảnh hoặc người liên quan đến môi trường sống của con vật.

3. Kết luận:

- Nêu ích lợi của con vật và tình cảm của người tả đối với con vật.